

ĐÂY THÔN VĨ DẠ

(2 tiết)

HÀN MẶC TỬ

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Cảm nhận được tình yêu đời, lòng ham sống mãnh liệt mà đầy uẩn khúc của một hồn thơ, thể hiện qua niềm thiết tha đến khắc khoải đối với cảnh vật và con người.
- Nhận ra được dạng liên kết vừa đứt đoạn vừa nhất quán khá điển hình của mạch thơ.
- Chỉ ra được lối tạo hình giản dị mà tài hoa của thi phẩm.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LUU Ý

1. Về nội dung

a) Về xuất xứ bài thơ

Hồi còn làm ở Sở Đạc điền Bình Định, Hàn Mặc Tử có mối tình đơn phương với Hoàng Thị Kim Cúc, con gái chủ sở, người Huế. Chưa ngã ngũ, thì Hàn Mặc Tử vào Sài Gòn làm báo, lòng vẫn nuôi hi vọng. Lúc trở lại Quy Nhơn thì Hoàng Cúc đã theo cha về hẳn ngoài Huế, thi sĩ rất đau khổ. Về sau, khi được biết Hàn Mặc Tử mắc bệnh hiểm nghèo, phải xa lánh mọi người để chữa bệnh, Hoàng Cúc đã gửi vào cho Hàn một tấm thiếp kèm vài lời động viên. Tấm thiếp là bức phong cảnh in hình dòng sông với cô gái chèo thuyền bên dưới những cành lá trúc loà xoà, phía xa xa là ráng trời, có thể là rạng đông, cũng có thể là hoàng hôn. Nhận được tấm thiếp ở một xóm vắng Bình Định, nơi cách li để chữa bệnh, xa xứ Huế, Hàn Mặc Tử rất nghẹn ngào. Tấm thiếp đã có một tác động rất mạnh đến hồn thơ Hàn Mặc Tử : những ấn tượng về xứ Huế lập tức thức dậy cùng với một niềm yêu đời vô bờ bến. Thi sĩ đã cầm bút viết ngay bài thơ này.

Bài thơ không thể không liên quan đến xuất xứ ấy, nhưng không nên cột chặt ý nghĩa của nó vào câu chuyện, cũng như vào một địa danh hạn hẹp là chốn Vĩ Dạ sông Hương. Nội dung tự thân của thi phẩm đã vượt ra khỏi khuôn khổ

một kỉ niệm riêng tư. Được gọi hưng từ tấm thiếp, nhưng bài thơ không đơn thuần là những lời vịnh cảnh, vịnh người từ một tấm thiếp. Mà nó là tiếng lòng đầy uẩn khúc của một tình yêu mãnh liệt mà vô vọng, một niềm khát khao sống, niềm thiết tha gắn bó với cuộc đời này, nhất là bấy giờ Hàn Mặc Tử đang có nguy cơ sớm phải xa lìa cuộc sống.

Theo tài liệu gần đây của Phạm Xuân Tuyển⁽¹⁾ thì bài thơ ban đầu có tên là "Ở đây thôn Vĩ Dạ". Theo nhà sưu tầm này, thì ở cái nơi Hàn Mặc Tử đang điều trị, vào thời điểm viết bài thơ, cũng có những cảnh gần với tấm thiếp kia. Những tư liệu này cung cấp thêm một căn cứ để khẳng định rằng những nơi chốn và cảnh trí trong bài thơ không đơn thuần chỉ là của miền sông Hương xứ Huế, mà cảnh có sự giao chuyển trộn lẫn cả chốn kia (Vĩ Dạ) với nơi này (ở đây).

b) Về tập *Đau thương*

Tập thơ này vốn có tên là *Thơ Diên*, hoàn thành năm 1938, về sau tác giả đổi thành *Đau thương*. Không nên hiểu "diên" như một trạng thái bệnh lí (tương ứng với bệnh loạn thần kinh), mà cần hiểu "diên" như một trạng thái sáng tạo (nghệ sĩ lâm vào một cơn sáng tạo miên man mãnh liệt, gần với trạng thái xuất thần). Đồng thời cần hiểu "diên" như một quan niệm thẩm mĩ độc đáo về một lối thơ ca mà Hàn Mặc Tử đã chịu ảnh hưởng từ thơ Pháp. Lối *Thơ Diên* của Hàn Mặc Tử nổi lên những đặc trưng cơ bản sau :

- Điệu cảm xúc đặc thù của *Thơ Diên* là đau thương ;
- Hình tượng chủ thể của *Thơ Diên* là *cái tôi* li hợp bất định (vừa là mình, vừa phân thân ra cùng một lúc nhiều mình khác nữa) ;
- Kênh hình ảnh đặc thù của *Thơ Diên* là những hình ảnh kì dị, kinh dị ;
- Mạch liên kết trong *Thơ Diên* là dòng tâm tư bất định với những đứt nối đầy bất ngờ, khiến cho mạch thơ thường có vẻ "đầu Ngô mìng Sở" ;
- Lớp ngôn từ nổi bật của *Thơ Diên* là lớp từ cực tả (có thiên hướng biểu tả ở mức cực điểm).

Đây thôn Vĩ Dạ là một bài thơ thật trong trẻo, nhưng chính Hàn Mặc Tử đã xếp nó trong tập *Thơ Diên*, tức tập *Đau thương* này. Bài thơ chưa có những đặc trưng đầy đủ của lối *Thơ Diên*, nhưng dạng cảm xúc ở đây là nỗi khát khao đã nhuốm màu đau thương với những uẩn khúc của nó, rồi mạch liên kết đầy đứt nối, cùng những ngôn từ thơ có thiên hướng biểu tả ở mức cực điểm rải rác

(1) *Đi tìm chân dung Hàn Mặc Tử*, NXB Văn học, H., 1999.

trong đó nữa đã cho thấy Hàn Mặc Tử xếp nó vào tập thơ này không hoàn toàn vô cớ⁽¹⁾.

2. Về phương pháp

GV cần kết hợp việc đọc diễn cảm, nêu câu hỏi với việc lập sơ đồ bối cảnh bài thơ và diễn biến tâm trạng qua các khổ thơ.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phần mở đầu

- GV nêu câu hỏi để kiểm tra HS đọc phân *Tiểu dẫn* và chốt lại một số kiến thức cần nắm về tác giả và về xuất xứ bài thơ.
- Đọc diễn cảm và uốn nắn cách đọc của HS sao cho đúng với điệu cảm xúc vừa thiết tha vừa u hoài của tác phẩm.
- Dùng tư liệu ảnh về Hàn Mặc Tử, về xứ Huế, về thôn VĨ DẠ, về Quy Nhơn,...

2. Phần nội dung chính

Câu hỏi 1

Trả lời câu hỏi này giúp HS tìm ra bối cảnh của bài thơ và nhận ra mạch liên kết đứt – nối của thi phẩm.

- Khổ 1 : Cảnh vườn thôn VĨ tươi sáng trong nắng mai, với cảnh sắc bình dị mà tinh khôi, đơn sơ mà thanh tú, nghiêng về cõi thực. Cảm xúc ẩn trong cảnh là nỗi ước ao và niềm đắm say mãnh liệt.
- Khổ 2 : Cảnh sông nước đêm trăng huyền ảo. Nét thực nét ảo cứ chập chờn chuyển hoá. Cảm xúc nghiêng về mong ngóng lo âu.
- Khổ 3 : Hình bóng "khách đường xa" và chốn sương khói mông lung. Cảnh chìm trong mộng ảo. Cảm xúc nghiêng về mơ tưởng và hoài nghi (không dám hi vọng).

Tóm lại, về cảnh, ba khổ thơ liên kết với nhau không phải tuân theo tính liên tục của thời gian và tính duy nhất của không gian. Nhưng về cảm xúc thì mạch vận động lại nhất quán trong cùng dòng tâm tư. Cụ thể là dòng chảy đầy những đứt nối của một niềm thiết tha gắn bó với đời, thiết tha sống đến

(1) Có thể tham khảo thêm sách *Ba đỉnh cao thơ mới : Xuân Diệu – Nguyễn Bính – Hàn Mặc Tử*, Sđd.

khắc khoải. Vì thế, bố cục có vẻ "đầu Ngô mìn Sở" nhưng lại liền mạch, liền khối. Đây là một nét độc đáo của thi phẩm.

Câu hỏi 2

– Xác định các câu hỏi trong bài thơ :

+ Khổ 1 : *Sao anh không về chơi thôn Vĩ ?* Và một câu không có dấu hỏi (?), nhưng ngữ điệu cũng có phần nghiêng về hỏi : *Vườn ai mướt quá xanh như ngọc...*

+ Khổ 2 : *Thuyền ai đậu bến sông trăng đó - Có chở trăng về kịp tối nay ?*

+ Khổ 3 : *Ai biết tình ai có đậm đà ?*

– Xác định tính chất của các câu hỏi :

+ Nhìn chung, đây không phải là những câu hỏi vấn – đáp. Nghĩa là những câu hỏi không đợi câu trả lời. Hỏi chỉ là hình thức bày tỏ nỗi niềm tâm trạng. Các câu hỏi ấy phân bổ khắp toàn bài. Vì thế, âm điệu toàn bài bị chi phối bởi ngữ điệu của những câu hỏi ấy. Nói cách khác, cảm xúc trong thi phẩm một phần lớn đã được chuyển tải trong âm điệu của những câu hỏi kia.

+ Cụ thể : Câu hỏi thứ nhất *Sao anh không về chơi thôn Vĩ ?* là câu hỏi nhiều sắc thái : vừa hỏi han, vừa hờn trách, vừa nhắc nhớ, vừa mời mọc. Tác giả đang tự phân thân để hỏi chính mình về một việc cần làm, đáng ra phải làm từ lâu mà giờ đây không biết có còn cơ hội để thực hiện nữa không, là về lại thôn Vĩ, thăm lại cảnh cũ chốn xưa. (Cần nhớ rằng về duyên cớ : Thôn Vĩ là nơi Hàn Mặc Tử từng lui tới hồi còn là HS trường Pellerin Huế, hơn thế nữa, đó bây giờ đang là nơi Hoàng Cúc về ở và tấm thiếp vừa đến tay Hàn Mặc Tử đã được gửi đi từ đó). Sự phân thân và những sắc thái phức tạp đan xen trong cùng một câu hỏi đã cho thấy nỗi ước ao trở về thôn Vĩ vừa mãnh liệt vừa uẩn khúc, không dễ bày tỏ thẳng ra. Nghĩa là ao ước đấy, song cũng đầy mặc cảm về khả năng thực hiện ao ước của mình.

Câu hỏi thứ hai *Thuyền ai đậu bến sông trăng đó - Có chở trăng về kịp tối nay ?* Ngữ điệu hỏi thể hiện trong các từ "Thuyền ai" ... "đó", "Có chở" ... "kịp" trong câu đã toát lên một niềm hi vọng đầy khắc khoải và pháp phỏng trong tâm trạng thi sĩ.

Câu hỏi thứ ba *Ai biết tình ai có đậm đà ?* là lời ướm hỏi, dò hỏi mang đậm một mối hoài nghi.

– Chiều hướng diễn biến trong tâm trạng của thi sĩ qua ba khổ thơ là *ao ước đậm say – hoài vọng pháp phỏng – mơ tưởng hoài nghi*. Càng về sau càng có phần âm u, sâu muộn. Tất cả đều chỉ là những cung bậc khác nhau của một

mối u hoài. Song, phải thấy rằng cốt lõi của mối u hoài đó vẫn là một niềm thiết tha với đời, một khát khao gắn bó khôn nguôi. Nghĩa là nỗi u hoài tích cực của một tâm hồn trong trẻo, lành mạnh, chứ không phải nỗi chán chường tiêu cực.

Câu hỏi 3

Hình ảnh "nắng hàng cau nắng mới lên" thật giản dị cũng thật giàu sức gợi.

Trước hết, cần đặt hình ảnh vào mạch thơ để thấy được vị trí của nó. Sau câu hỏi "Sao anh không về chơi thôn VĨ?", thì tiếp liền ngay câu "Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên". Vậy là về thôn VĨ trước tiên là để được "nhìn" hình ảnh "nắng hàng cau nắng mới lên". Rõ ràng, hình ảnh này là ấn tượng hàng đầu về thôn VĨ, nó đã in rất đậm trong kí ức của người đi xa, đến nỗi vườn thôn VĨ hiện lên trước tiên là bằng hình ảnh ấy.

Để cắt nghĩa vì sao nó có được vị trí ấy, cần phân tích sâu vào nội dung của hình ảnh. Có thể so sánh với hình ảnh nắng trong các câu thơ Hàn Mặc Tử ở bài *Mùa xuân chín*: "Trong làn nắng ửng khói mơ tan" hay "Dọc bờ sông trắng nắng chang chang". Trong các câu đó, nắng đều được tả khá trực quan: "nắng ửng", "nắng chang chang". Các chữ đó đều đập ngay vào giác quan, lập tức gây ấn tượng đối với người đọc. Còn trong câu này, không có chữ nào như thế. Tác giả chỉ gợi chứ không tả: "Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên". Nhưng hình ảnh vẫn có sức ám ảnh người đọc, bởi nó gián tiếp gợi lên vẻ tinh khôi, thanh khiết và thanh thoát của thứ nắng ấy. Cau là thứ cây cao trong vườn, thậm chí ở mảnh vườn nào đó, nó là cây cao nhất. Vì thế, cau là thứ cây đầu tiên trong vườn nhận được những tia nắng đầu tiên của một ngày. Tinh khôi là bởi thế. Sau một đêm được gọi trong sương, sắc xanh của lá cau dường như được làm mới, được hồi sinh trong bóng đêm. Nắng trên lá cau là nắng ướt, nắng tươi, nắng long lanh. Thanh khiết là bởi thế. Đồng thời, thân cau là những nét mảnh mai vươn vào không gian. Nắng in lên thân cau thành những nét sáng, hay bóng cau in xuống lối vườn thành những nét sẫm, thì đều là những nét vẽ thật mảnh, thật tinh. Thanh thoát là bởi thế. Tóm lại, hình ảnh trong câu thơ thuộc dạng hình ảnh giản dị nhưng rất giàu sức gợi. Nó thú vị không chỉ bởi những gì chứa sẵn, mà còn bởi những gì có thể gợi ra trong kí ức người đọc.

Câu hỏi 4

Sự chia lìa li tán trong hai câu thơ "Gió theo lối gió, mây đường mây - Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay" được gợi lên qua cả hình ảnh và nhịp điệu. Đáng chú ý là tính chất khác thường, ngang trái của nó.

Về hình ảnh, có thể thấy ngay vẻ phi lí. Nhìn theo lô gích hiện thực thì mây gió làm sao có thể tách rời. Gió có thể bay "theo lối gió", nhưng mây làm sao có thể tự bay theo đường mây được. Gió có thổi thì mây mới bay. Mây luôn phải gắn bó và lệ thuộc vào gió. Thế mà ở đây gió và mây, mỗi đằng đi một ngả. Sự chia lìa này là ngang trái, phi hiện thực, phi lí. Vậy vì sao có thể có hình ảnh như thế ? Thi sĩ tạo ra hình ảnh này không phải bằng cái nhìn thị giác, mà bằng cái nhìn của mặc cảm : mặc cảm chia lìa. Mang nặng mặc cảm của một người thiết tha gắn bó với đời mà đang có nguy cơ phải chia lìa với cõi đời, nên thi sĩ nhìn đâu cũng thấy chia lìa. Thậm chí, thấy cả những chia lìa ở những thứ tưởng không thể chia lìa.

Về nhịp điệu, cũng có sự khác thường. Câu thơ thất ngôn thường đi nhịp 2 / 2 / 3. Ở đây, nó được cắt thành nhịp 4 / 3. Mỗi đối tượng bị cách li trong một khuôn nhịp riêng biệt, làm nổi bật sự lìa xa nhau. Nhịp thơ cắt đôi tựa như sự chia rẽ, chia phôi ngang trái.

Cả hai yếu tố này quyện vào nhau khiến cho cuộc chia lìa gió mây càng sắc nét, gây nên cảm xúc đau buồn.

Câu hỏi 5

– "Thuyền ai đậu bến sông trăng đó - Có chở trăng về kịp tối nay ?". Giảng câu thơ này nên chú ý đến hình ảnh huyền ảo "sông trăng", "thuyền... chở trăng". Bởi đó là hình ảnh bóng bẩy, gây chú ý lập tức đối với người đọc. Hiệu quả nghệ thuật là tạo nên một bầu không khí hư thực huyền hồ, nét thực nét ảo chụp chòn chuyển hoá khá thơ mộng. Nhưng vẻ đẹp của trăng chưa phải là khía cạnh mang dấu ấn thật sự riêng biệt của Hàn Mặc Tử. Mà đáng nói hơn chính là ý nghĩa của trăng. Đặt trăng trong tương quan với các hình ảnh trong khổ thơ mới thấy rõ ý nghĩa ấy. Trong khổ thơ này, mọi hình ảnh đều gợi sự phiêu tán chia lìa. Gió đang bay đi, mây cũng ra đi, dòng nước buồn thiu cũng đang chảy trôi đi,... Tất cả đều như đang chia lìa, rời bỏ chốn này mà đi, khiến cho hồn thi sĩ quá nhạy cảm thấy như mình đang bị bỏ lại, bỏ rơi bên bờ quên lãng. Trong khoảnh khắc đơn côi ấy, dường như chỉ còn biết bám víu, trông chờ vào trăng nữa thôi. Trăng là điểm tựa, là niềm an ủi duy nhất. Cho nên thi sĩ đã đặt toàn bộ hi vọng vào trăng, vào con thuyền chở trăng về "kịp" tối nay. Trong khổ thơ, chỉ có một mình trăng là đi ngược lại xu thế chảy đi đó để về với thi sĩ. "Thuyền ai đậu bến sông trăng đó - Có chở trăng về kịp tối nay ?". Ta thấy rõ lời thơ chứa đựng bao pháp phỏng, lo âu, khắc khoải.

Song, yếu tố thể hiện sâu xa và kín đáo hơn cả về tâm tư và thân phận của Hàn Mặc Tử lại chính là chữ "kip". Xét ra, đây không phải là chữ bóng bẩy, trái lại, nó hoàn toàn bình dị, thậm chí, như là không đâu, không mấy quan trọng. Nhưng không phải. Chính nó hé mở cho người đọc về cảm nhận và tâm thế sống của Hàn Mặc Tử : cảm nhận về một hiện tại ngắn ngủi và sống là chạy đua với thời gian, tranh thủ từng ngày, từng buổi trong cái quý thời gian còn quá ít ỏi của số phận mình. Có thể so sánh với Xuân Diệu để làm rõ hơn điều này. Cũng là chạy đua với thời gian, nhưng tâm thế của *cái tôi* Xuân Diệu khác. Xuân Diệu cảm nhận về cái chết luôn chờ mỗi con người ở cuối con đường, nên cần tranh thủ sống mà tận hưởng tối đa những hạnh phúc trần thế. Còn với Hàn Mặc Tử, cái chết đã kề cận, lưỡi hái của tử thần đã huơ lên rồi. Chỉ được sống không thôi, với Hàn đã là hạnh phúc vô song rồi. Có lẽ vì vậy mà chữ "kip" nghe thật pháp phỏng, khắc khoải, gây nỗi xót thương sâu sắc ở người đọc. Chừng như không "kip", thì thi sĩ sẽ vĩnh viễn rơi vào cô đơn và đau thương.

Câu hỏi 6

Câu thơ "Ai biết tình ai có đậm đà ?" là câu thơ nhuốm màu hoài nghi. Hoài nghi về sự đậm đà trong tình cảm của "ai" đó. Chữ "ai" thứ nhất chỉ là chủ thể thi sĩ. Chữ "ai" thứ hai trong câu có thể hiểu theo nghĩa hẹp là "khách đường xa" kia, cũng có thể hiểu theo nghĩa rộng là tình người trong cõi trần ai này. Nhìn kỹ, sắc thái tâm lí ở đây không phải *không tin* vào sự "đậm đà" của "ai" đó, mà *không dám tin* thì đúng hơn. *Không tin* thì nghiêng về sự lạnh lùng, là hoàn toàn không mong đợi gì, là thái độ chán đời ; còn *không dám tin* thì vẫn bao hàm cả một hi vọng sâu kín, chỉ không biết mình có thể tin và có quyền được tin thế không thôi. Nghĩa là hoài nghi của một người yêu đời, yêu sống. Có hiểu thế mới thấy được những uẩn khúc của lòng thiết tha với cuộc đời nhưng cũng đầy mặc cảm của Hàn Mặc Tử.

3. Phần củng cố

Chốt lại, khắc sâu những điểm chính :

- Niềm thiết tha với cuộc sống không phải biểu hiện theo lối xuôi chiều, mà trái lại, đầy uẩn khúc của thi sĩ.
- Cảnh sắc thiên nhiên là sự giao chuyển nhiều cảnh theo lối bất định không tuân theo tính liên tục của thời gian và tính duy nhất của không gian.
- Cách khắc họa các hình ảnh độc đáo, ngôn ngữ thơ cực tả mà luôn luôn trong sáng và súc tích.

IV – HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI TẬP NÂNG CAO

Có các cách hiểu khác nhau về câu thơ "Áo em trắng quá nhìn không ra", chẳng hạn :

- a) Do áo lắn vào sương khói nên nhìn không rõ ;
- b) Đây là một cách ca tụng sắc áo trắng đến lạ lùng.

Cách hiểu thứ hai phù hợp hơn cả. Vì :

– Theo phong cách ngôn ngữ rất đặc thù của tác giả *Đau thương* là cực tả, nghĩa là có thiên hướng biểu tả ở mức cực điểm, thì trong bài thơ này, không phải đây là lần duy nhất Hàn Mặc Tử kêu lên như vậy. Ở khổ 1, đã có câu "Vườn ai mướt quá xanh như ngọc". Đó cũng là cách cực tả về sắc xanh kì lạ của mảnh vườn.

– Trong hệ thống hình ảnh của thi phẩm : *vườn nắng, thuyền trắng, áo trắng* tất cả đều ánh lên sắc thái lạ lùng. Chúng hợp thành diện mạo một cõi tràn gian tuyệt đẹp mà thi sĩ càng mang nặng mặc cảm chia lìa bao nhiêu càng thiết tha gắn bó hơn bao giờ hết.

– Trong quan niệm của Hàn Mặc Tử, trinh bạch, thanh khiết là vẻ đẹp lí tưởng mà ông say mê và khao khát. Trong thơ ông, vẻ đẹp ấy thường hiện ra trong sắc trắng lạ lùng. Sắc áo trắng tinh khôi loá sáng đó của người thiếu nữ – khách đường xa mà ông đang khát khao mơ tưởng ấy, chính là một hiện thân của vẻ đẹp kia. Nó là một trong những lí do khiến thi sĩ thèm được sống mãi với cõi đời này.

Cách hiểu thứ nhất không thật phù hợp vì chỉ dựa vào những căn cứ bề ngoài (như bị ám ảnh và ngộ nhận vì màn sương khói – trắng quá nhìn không ra chứ đâu phải mờ quá nhìn không ra, hay chỉ dựa thuần túy vào nghĩa sơ khai của cụm từ "nhìn không ra"), nên khó nhìn thoả đáng được hình ảnh thơ trong mối liên hệ với những khía cạnh sâu xa thuộc về phong cách ngôn ngữ, cấu trúc hình tượng trong văn bản và tư tưởng của Hàn Mặc Tử.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

– *Hàn Mặc Tử – Về tác giả và tác phẩm*, Phan Cự Đệ – Nguyễn Toàn Thắng tuyển chọn và giới thiệu, NXB Giáo dục, 2003.

– Chu Văn Sơn, *Ba đỉnh cao thơ mới : Xuân Diệu – Nguyễn Bính – Hàn Mặc Tử*, Sđd.